DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo Quyết định số: 693 .2022/QĐ-VPCNCL ngày 31 tháng 08 năm 2022 của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Viện Đo lường Việt Nam**
Phòng Đo lường Hóa Lý - Mẫu Chuẩn

Laboratory: ***Vietnam Metrology Institute***
Laboratory of Physico – Chemical Parameters and Reference Materials

Cơ quan chủ quản: **Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng**

Organization: ***Directorate for Standards, Metrology and Quality***

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa**

Field of testing: ***Chemical***

Người quản lý: **Phạm Anh Tuấn**

Laboratory manager: ***Pham Anh Tuan***

Người có thẩm quyền ký/ *Approved signatory:*

TT	Họ và tên/ *Name*	Phạm vi được ký/ *Scope*
1.	**Phạm Anh Tuấn**	Các phép thử được công nhận/ *Accredited tests*
2.	**Ngô Huy Thành**	

Số hiệu/ *Code:* **VILAS 072**

Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:* **20/06/2025**

Địa chỉ/ *Address*: **Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội**
No 8, Hoang Quoc Viet street, Nghia Đo ward, Cau Giay district, Ha Noi city

Địa điểm/*Location:* **Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội**
No 8, Hoang Quoc Viet street, Nghia Đo ward, Cau Giay district, Ha Noi city

Điện thoại/ *Tel*: **84 2438361133** Fax: **84 2437564260**

E-mail: **tuanpa@vmi.gov.vn** Website: **vmi.gov.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 072

PHÒNG ĐO LƯỜNG HÓA LÝ - MẪU CHUẨN

LABORATORY OF PHYSICO - CHEMICAL PARAMETERS AND REFERENCE MATERIALS

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Dung dịch độ nhớt động học *(Kinematic viscosity solution)***	Xác định độ nhớt động học của dung dịch *Determination of kinematic viscosity in solution*	(1 ~ 9.000) cSt	V06.M-18.06
2.	**Dung dịch độ nhớt động lực *(Dynamic viscosity solution)***	Xác định độ nhớt động lực của dung dịch *Determination of dynamic viscosity in solution*	(1 ~ 9.000) P	V06.M-19.06

Chú thích:

- V06.M-…: Phương pháp thử do PTN xây dựng/ *Laboratory developed method*